

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Anh Tuấn
2. Ông Bùi Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn ĐC, xã NL, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Mạ Văn Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn KH, xã HP, huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mạ Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện CH, tỉnh TQ vào ngày 26/9/2007. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh chị về sinh sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn KH, xã HP, huyện CH, tỉnh TQ. Đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

vã, xô xát cũng trong năm 2012 thì chị và anh Đ sống ly thân không còn quan hệ về kinh tế và tình cảm với nhau nữa. Đến năm 2018 thì chị làm đơn ly hôn nhưng do chị đi làm ăn xa nên không về giải quyết vụ án được. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Mạ Văn Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có sinh được 01 con chung tên là Mạ Văn Đ, sinh ngày 12/3/2008. Chị nhất trí giao cháu Đ cho anh Mạ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con tùy khả năng của mình.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh Mạ Văn Đ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Thị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện CH, tỉnh TQ. Sau ngày cưới anh chị về chung sống cùng gia đình bố mẹ anh tại thôn KH, xã HP, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì chị L đi làm ăn xa, sau đó thì không về địa phương nữa. Anh chị không chung sống cùng nhau từ đó đến nay. Tuy nhiên anh và chị L có 01 con nhỏ nên đề nghị Tòa án cho anh được nuôi con và giải quyết cho anh chị ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có sinh được 01 con chung tên là Mạ Văn Đ, sinh ngày 12/3/2008 hiện cháu Đ đang sống cùng anh, sau ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng con và không có yêu cầu về cấp dưỡng.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 83, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của chị Nông Thị L: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Mạ Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Mạ Văn Đ, sinh ngày 12/3/2008 cho anh Mạ Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nông Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh TQ giải quyết cho chị ly hôn với anh Mạ Văn Đ; anh Mạ Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn KH, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Mạ Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn KH, xã HP huyện CH, tỉnh TQ. Sau khi thụ lý Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã triệu tập, xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bị đơn anh Mạ Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, chị Nông Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Mạ Văn Đ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, vợ con. Còn theo anh Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L đi làm ăn xa nhà rồi tự ý không về với chồng, con nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh Đ đều không có mặt. Tại buổi hòa giải ngày 05/8/2020, anh Đ có quan điểm nhất trí ly hôn nhưng không ký biên bản. HĐXX thấy rằng, mặc dù có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh từ năm 2012 và vợ chồng cũng chính thức ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Như vậy, cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh Đ thực tế đã không tồn tại đầu năm 2012 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị L, anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L là xử cho chị L được ly hôn với anh Mạ Văn Đ.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị L nhất trí giao cháu Đ cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng; bản thân cháu Đ có nguyện vọng được ở với bố. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Đ hiện có nhà riêng, nghề nghiệp chính là làm ruộng, ngoài ra anh Đ còn làm thuê. Còn chị L hiện tại đang ở nhờ nhà bố mẹ đẻ, không có việc làm ổn định. Kể từ khi chị L bỏ đi (năm 2012) thì cháu vẫn ở với bố và ông bà nội. Thời gian ở cùng bố và ông bà nội cháu Đ vẫn phát triển bình thường, đi học đầy đủ. Do vậy cần giao cháu Mạ Văn Đ, sinh ngày 12/3/2008 cho anh Mạ Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đồng thời đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Đ. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Mạ Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Mạ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Mạ Văn Đ, sinh ngày 12/3/2008 cho anh Mạ Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nông Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002798, ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Mạ Văn Đ không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị L và anh Mạ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã NL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Mạnh Hùng - Phạm Anh Tuấn

Phạm Thị Thùy Trâm

